

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 / 4 /2019
V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Bà Quách Thị Tinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 25 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST – HNGĐ ngày 17/4/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Đình G, Sinh năm: 1977

HKTT: Thôn Yên Sơn 2, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Đinh Thị Đ; Sinh năm: 1977

HKTT: Thôn Yên Sơn 2, xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2019, bản tự khai ngày 15/02/2019 và tại phiên tòa, anh Trịnh Đình G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Đinh Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2000 tại Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng không có công ăn việc làm dẫn đến nợ nần nhiều, hai bên gia đình đều nghèo không có khả năng trả nợ làm cho cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng thiếu thốn. Thêm vào đó vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa làm cho gia đình không được hạnh phúc. Anh và chị Đ đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Đình Nam, sinh ngày 01/7/2000. Hiện cháu Nam đã thành niên và đang ở cùng với mẹ nên anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Đinh Thị Đ để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh G nhưng chị Đ không có mặt nên không có lời khai của chị Đ. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Đ không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị Đ. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ chị Đ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị Đ đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS. Tòa án cũng đã triệu tập chị Đ lần thứ hai đến để tham gia phiên tòa nhưng chị Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Đình G và chị Đinh Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/01/2000 tại Ủy ban nhân dân UBND xã Thành Yên, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa làm cho gia đình không được hạnh phúc. Vợ chồng không thể khắc phục được mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay, không ai quan tâm đến ai nên hôn nhân chỉ mang tính hình thức. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh G được ly hôn chị Đ để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Vợ chồng có một con chung là cháu Trịnh Đình Nam, sinh ngày 01/7/2000. Hiện cháu Nam đã thành niên, nên HĐXX không xem xét.

[3] Về tài sản: Anh G không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 và khoản 4 điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 điều 24; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Đình G được ly hôn chị Đình Thị Đ.

2/ Về án phí: Anh Trịnh Đình G phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003546, ngày 14/ 02/2019. Anh G đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Trịnh Đình G, vắng mặt chị Đình Thị Đ. Anh G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Hà Vĩnh

Quách Thị Tình

Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thành Yên;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

